

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ B  
TỈNH B**

Bản án số: 163/2022/HS-ST  
Ngày 27-9-2022

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Phương Thảo

*Các Hội thẩm nhân dân:*

- Ông Nguyễn Văn Chi.

- Ông Nguyễn Văn Bằng.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Đặng Văn Hưng - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B tham gia phiên tòa:** Bà Đặng Minh Hà - Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh B xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 34/2022/HSST ngày 09 tháng 3 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 70/2022/QĐXXST-HS ngày 09 tháng 5 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số: 15/2022/HSST-QĐ ngày 24 tháng 5 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số: 19A/2022/HSST-QĐ ngày 24 tháng 6 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số: 26/2022/HSST-QĐ ngày 22 tháng 7 năm 2022, Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số 749/2022/TB-TA ngày 19/8/2022, Quyết định hoãn phiên tòa số: 35A/2022/HSST-QĐ ngày 21 tháng 9 năm 2022 đối với bị cáo:

Họ và tên: Phan Văn H, sinh năm 1992 tại thành phố B, tỉnh B; Nơi cư trú: Số nhà 14, ngõ 28, đường bờ đê TT, phường Đ, thành phố B, tỉnh B; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Văn hoá: 10/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Con ông Phan Văn H1, sinh năm 1963 và bà Ngô Thị H2, sinh năm 1969; Bị cáo có vợ là Ngô Minh N, sinh năm 1991 (đã ly hôn) và 01 con sinh năm 2013.

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Bản án hình sự sơ thẩm số 280 ngày 30/11/2011 của TAND thành phố B xử phạt 18 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 35 tháng 12 ngày về tội “Cố ý gây thương tích”.

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 11/8/2021 đến ngày 05/01/2022 được thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện tại ngoại.

(Có mặt).

\* Người đại diện hợp pháp của bị cáo: Bà Ngô Thị H2, sinh năm 1969.

Địa chỉ: Số 14, ngõ 28, đường đê TT, phường Đ, thành phố B, tỉnh B.

(Có mặt).

\* Người bào chữa cho bị cáo: Luật sư Ngô Thị T và luật sư Ong Thị Th -  
Văn phòng Luật sư V, Đoàn Luật sư tỉnh B.

Địa chỉ: Số 487, đường L, phường V, thành phố B, tỉnh B.

(Luật sư T có mặt, luật sư Th xin vắng mặt).

\* Bị hại:

- Anh Thân Văn H3, sinh năm 1972

Địa chỉ: Số 461, đường BN, phường Đ, thành phố B, tỉnh B.

(Vắng mặt).

\* Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Anh Lê Xuân H4, sinh năm 1980

Địa chỉ: Số 90, đường BN, phường Đ, thành phố B, tỉnh B.

(Vắng mặt).

\* Người làm chứng:

- Anh Nguyễn Văn K, sinh năm 1975

Địa chỉ: Thôn C, xã L, huyện T, tỉnh B.

(Vắng mặt).

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Anh Lê Xuân H4, sinh năm 1980 trú tại số nhà 90, đường BN, phường Đ, thành phố B làm nghề kinh doanh xe ô tô vận tải và thuê anh Thân Văn H3, sinh năm 1972 trú tại số nhà 461, đường BN, phường Đ, thành phố B chịu trách nhiệm quản lý và lái chiếc xe ô tô nhãn hiệu DONGFENG biển kiểm soát 99C-122.77 để chở đất san lấp mặt bằng tại công trường xây dựng. Buổi tối ngày 15/5/2021, anh H3 để chiếc xe ô tô biển kiểm soát 99C-122.77 tại công trường xây dựng đường Quốc lộ 17 Tộc tổ dân phố M, phường Đ, thành phố B.

Khoảng 23 giờ cùng ngày, Phan Văn H, sinh năm 1992 trú tại số 14, ngõ 28, đường bờ đê TT, phường Đ, thành phố B (là người bị hạn chế khả năng nhận thức và hạn chế khả năng điều khiển hành vi do sử dụng ma túy) đi bộ lang thang trên đường. Khi đi đến khu vực công trường xây dựng, H nhìn thấy chiếc xe ô tô biển kiểm soát 99C-122.77 để ở đó nhưng không có người trông coi. H đi đến cánh cửa bên ghế lái mở cửa xe trèo lên ca bin thì thấy chìa khóa điện vẫn cắm ở ổ khóa. H ngồi vào ghế lái khởi động nổ máy rồi điều khiển xe ô tô đi ra hướng Quốc lộ 17 về hướng đi thị trấn C, huyện T (H có giấy phép lái xe hạng C do Sở Giao thông vận tải tỉnh B cấp ngày 23/3/2020). Khoảng 30 phút sau, H đi đến địa phận thôn M, xã N, huyện V thì dừng lại. Tại đây, H gặp anh Nguyễn Văn K, sinh năm 1975 trú tại thôn C, xã L, huyện T là người quen biết từ trước. H xuống xe ô tô và xin anh K thục lá. Sau khi hút thuốc lá xong, H tiếp tục điều khiển xe đi theo đường tỉnh lộ 298 đến thị trấn N, huyện V rồi đi về thành phố B. Khoảng 05 giờ 30 phút ngày 16/5/2021, anh H3 đi ra công trường thì phát hiện mất chiếc xe ô tô nên trình

báo Công an phường Đ. Đến khoảng 06 giờ 30 phút cùng ngày, H điều khiển xe quay về, đỗ xe ở khu vực ngã 4 đường P thuộc tổ dân phố Mai Độ, phường Đ thì gặp anh H4 đang đi tìm xe. Anh H4 có điện thoại cho anh H3 và anh K được biết nội dung sự việc H lấy xe đi nên đã gọi điện thoại báo cho Công an phường Đ đến giải quyết. Lúc này, H tiếp tục điều khiển xe về lán công trường xây dựng thì bị Công an lập biên bản thu giữ chiếc xe ô tô.

Ngày 16/5/2021, Cơ quan CSĐT Công an thành phố B cho H xác định vị trí để xe ban đầu tại công trình xây dựng nối từ đường P với đường Đ và Quốc lộ 17 thuộc tổ dân phố MĐ, phường Đ; xác định vị trí anh H4 phát hiện H điều khiển xe về đỗ tại khu vực ngã tư giao giữa đường P và đường L thuộc tổ dân phố M, phường Đ. Cơ quan điều tra cho H thực nghiệm điều tra tại hiện trường. Kết quả H thực hiện các động tác mở cửa, khởi động và điều khiển chiếc xe ô tô biển kiểm soát 99C-122.77 phù hợp với lời khai của H.

Cơ quan điều tra đã yêu cầu định giá tài sản. Bản kết luận định giá tài sản số 83 ngày 25/5/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự thành phố B kết luận: Chiếc xe ô tô nhãn hiệu DONGFENG, loại xe tải tự đổ; biển kiểm soát 99C-122.77 màu sơn xanh, số máy 3A10E1F30388, số khung H4P2FH121424, năm sản xuất 2015, nước sản xuất Trung Quốc, đã qua sử dụng có trị giá tại thời điểm tháng 5/2021 là 550.000.000 đồng.

Cơ quan điều tra đã trưng cầu giám định tình trạng tâm thần của Phan Văn H. Kết luận giám định pháp y tâm thần số 94/KLGD ngày 26/7/2021 của Trung tâm pháp y tâm thần khu vực Miền núi phía Bắc kết luận:

- Phan Văn H, sinh năm 1992, trú tại số 14, ngõ 28, đường bờ đê TT, phường Đ, thành phố B, tỉnh B bị bệnh Các rối loạn tâm thần và hành vi do sử dụng nhiều loại ma túy và sử dụng các chất tác động tâm thần khác - F19 (Theo phân loại bệnh Quốc tế lần thứ 10 năm 1992 về các rối loạn tâm thần và hành vi).

- Tại thời điểm thực hiện hành vi phạm tội ngày 15/5/2021, Phan Văn H bị bệnh Các rối loạn tâm thần và hành vi do sử dụng nhiều loại ma túy và sử dụng các chất tác động tâm thần khác, hạn chế khả năng nhận thức và hạn chế khả năng điều khiển hành vi.

- Hiện tại Phan Văn H bị bệnh Các rối loạn tâm thần và hành vi do sử dụng nhiều loại ma túy và sử dụng các chất tác động tâm thần khác, hạn chế khả năng nhận thức và hạn chế khả năng điều khiển hành vi.

Quá trình điều tra, ban đầu H khai lấy xe để đi thăm bố mẹ vợ sau đó H khai xác định mục đích lấy xe để đi xin việc làm nhưng không hỏi ý kiến của anh H3 và anh H4; do không xin được việc làm nên H đã điều khiển xe đem trả lại, khi đỗ xe trên đường về công trường thì gặp anh H4 sau đó bị cơ quan Công an đến lập biên bản T giữ chiếc xe ô tô.

Về xử lý vật chứng và trách nhiệm dân sự: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B đã trả lại chiếc xe ô tô biển kiểm soát 99C-122.77 cho anh Lê Xuân H4. Anh H3 và anh H4 không có yêu cầu đề nghị gì về trách nhiệm dân sự.

Tại bản cáo trạng số 38/CT-VKS ngày 06 tháng 3 năm 2022, Viện kiểm sát nhân dân thành phố B đã truy tố bị cáo Phan Văn H về tội “Sử dụng trái phép tài sản” theo điểm a khoản 2 Điều 177 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như cáo trạng đã nêu.

\* Hội đồng xét xử công bố lời khai của những người tham gia tố tụng được triệu tập nhưng vắng mặt tại phiên tòa và các tài liệu khác có trong hồ sơ. Những người tham gia tố tụng tại phiên tòa nhất trí và không có ý kiến gì.

\* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B sau khi phân tích tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử:

1. Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 177, điểm q, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Phan Văn H từ 01 năm đến 01 năm 03 tháng tù cho hưởng án treo về tội “Sử dụng trái phép tài sản”. Thời gian thử thách từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Phan Văn H cho UBND phường Đ, thành phố B, tỉnh B giám sát giáo dục trong thời gian thử thách của bản án.

Miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền cho bị cáo.

3. Về trách nhiệm dân sự: không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 21, Điều 23, Điều 26 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

- Người đại diện hợp pháp cho bị cáo và người bảo vệ quyền và lợi ích cho bị cáo thông nhất trình bày: Nhất trí với bản luận tội của Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố B. Do bị cáo bị hạn chế khả năng về nhận thức và hạn chế khả năng điều khiển hành vi nên đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo hưởng mức án nhẹ nhất.

- Bị cáo H không có ý kiến tranh luận với bản luận tội của Viện kiểm sát, xin được hưởng án treo để có cơ hội cải sửa bản thân.

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố B, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[2] Về tội danh: Lời khai của bị cáo tại phiên tòa hôm nay phù hợp lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở kết luận:

Khoảng 23 giờ ngày 15/5/2021, Phan Văn H đi bộ đến khu vực công trường xây dựng đường Quốc lộ 17 Tộc tổ dân phố MĐ, phường Đ, thành phố B chơi thì phát hiện thấy chiếc xe ô tô nhãn hiệu DONGFENG biển kiểm soát 99C-122.77 trị giá 550.000.000 đồng của anh Lê Văn H4 giao cho anh Thân Văn H3 quản lý đỗ ở đó nhưng không có người trông coi. H đã tự ý lấy chiếc xe ô tô trên rồi điều khiển xe đi đến địa bàn các huyện T, V, thành phố B. Đến khoảng 06 giờ 30 phút ngày 16/5/2021 khi H lái xe mục đích đem về trả, khi đỗ xe ở khu vực ngã 4 đường P thuộc tổ dân phố MĐ, phường Đ, thành phố B gần khu vực công trình xây dựng thì bị anh Lê Văn H4 phát hiện sau đó báo cho Công an phường Đ đến thu giữ. Viện kiểm sát nhân dân thành phố B truy tố bị cáo về tội “Sử dụng trái phép tài sản” theo điểm a khoản 2 Điều 177 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ và đúng pháp luật.

[3] Về tính chất hành vi phạm tội và nhân thân của bị cáo: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của người khác, gây mất an ninh trật tự tại địa phương. Bị cáo đã một lần bị xét xử hình sự nhưng không lấy đó làm bài học, tiếp tục phạm tội. Do vậy, cần phải xử nghiêm bị cáo bằng pháp luật hình sự mới đảm bảo tính giáo dục riêng và phòng ngừa chung đối với loại tội này.

[5] Xét về tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự của bị cáo: Bị cáo là người có bị hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị có thái độ khai báo thành khẩn, tỏ ra ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, bị hại có đơn đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm q, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

[6] Bị cáo tuy đã từng bị xét xử về hình sự nhưng thời gian xét xử đã lâu. Bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, lại là người bị hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi. Do vậy, căn cứ vào hướng dẫn tại nghị quyết số 02/2018/NQ- HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao, Hội đồng xét xử thấy chưa cần thiết phải cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội mà cho các bị cáo được hưởng án treo, giao bị cáo cho UBND xã, phường nơi cư trú giám sát, giáo dục cũng không gây nguy hiểm cho xã hội và đủ để giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không có yêu cầu gì nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

## **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 177; điểm q, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Phan Văn H 01 năm 03 tháng tù cho hưởng án treo về tội “Sử dụng trái phép tài sản”. Thời gian thử thách 02 năm 06 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Phan Văn H cho UBND phường Đ, thành phố B, tỉnh B giám sát giáo dục trong thời gian thử thách của bản án.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì áp dụng theo quy định tại khoản 3 Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

2. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 23 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Buộc bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, 333 của Bộ luật Hình sự: Bị cáo, đại diện hợp pháp của bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

### **Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh B
- VKSND thành phố B;
- CQCSĐT-CA TP B;
- TAND tỉnh B;
- Chi cục THADS TP B;
- Sở tư pháp;
- Bị cáo;
- UBND p.Đ, TP B;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Phương Thảo**